

BỘ TƯ PHÁP**BỘ TƯ PHÁP****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 13/2015/TT-BTP

Hà Nội, ngày 29 tháng 9 năm 2015

THÔNG TƯ

**Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 03/2013/TT-BTP
ngày 31/01/2013 của Bộ Tư pháp hướng dẫn thực hiện quản lý nhà nước
về công tác bồi thường trong hoạt động quản lý hành chính**

Căn cứ Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 16/2010/NĐ-CP ngày 03/3/2010 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 22/2013/NĐ-CP ngày 13/3/2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tư pháp;

Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 03/2013/TT-BTP ngày 31/01/2013 của Bộ Tư pháp hướng dẫn thực hiện quản lý nhà nước về công tác bồi thường trong hoạt động quản lý hành chính.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 03/2013/TT-BTP ngày 31/01/2013 của Bộ Tư pháp hướng dẫn thực hiện quản lý nhà nước về công tác bồi thường trong hoạt động quản lý hành chính

1. Điều 18 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 18. Thực hiện theo dõi hoạt động giải quyết bồi thường

1. Trách nhiệm theo dõi

a) Cục Bồi thường nhà nước tham mưu, giúp Bộ trưởng Bộ Tư pháp tổng hợp, theo dõi chung hoạt động giải quyết bồi thường trong hoạt động quản lý hành chính trên phạm vi cả nước;

b) Tổ chức pháp chế (đối với các Bộ), Cục Bồi thường nhà nước (đối với Bộ Tư pháp) tham mưu, giúp Bộ trưởng theo dõi cụ thể hoạt động giải quyết bồi thường trong hoạt động quản lý hành chính thuộc phạm vi quản lý của Bộ;

c) Sở Tư pháp tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây viết tắt là UBND cấp tỉnh) theo dõi cụ thể hoạt động giải quyết bồi thường trong hoạt động quản lý hành chính thuộc phạm vi quản lý của UBND cấp tỉnh;

d) Phòng Tư pháp tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh (sau đây viết tắt là UBND cấp huyện) theo dõi cụ thể hoạt động giải quyết bồi thường trong hoạt động quản lý hành chính thuộc phạm vi quản lý của UBND cấp huyện.

2. Nội dung theo dõi

- a) Tình hình yêu cầu bồi thường và giải quyết bồi thường;
- b) Trách nhiệm thực hiện báo cáo theo quy định của pháp luật về trách nhiệm bồi thường của Nhà nước.”.

2. Bổ sung Điều 18a vào sau Điều 18 như sau:

“Điều 18a. Thực hiện theo dõi việc thẩm định cấp kinh phí, chi trả tiền bồi thường và xem xét trách nhiệm hoàn trả

1. Trách nhiệm theo dõi

a) Cục Bồi thường nhà nước tham mưu, giúp Bộ trưởng Bộ Tư pháp tổng hợp, theo dõi chung việc thẩm định cấp kinh phí, chi trả tiền bồi thường và xem xét trách nhiệm hoàn trả trong hoạt động quản lý hành chính trên phạm vi cả nước;

b) Tổ chức pháp chế (đối với các Bộ), Cục Bồi thường nhà nước (đối với Bộ Tư pháp) tham mưu, giúp Bộ trưởng theo dõi cụ thể việc thẩm định cấp kinh phí, chi trả tiền bồi thường và xem xét trách nhiệm hoàn trả trong hoạt động quản lý hành chính thuộc phạm vi quản lý của Bộ;

c) Sở Tư pháp tham mưu, giúp UBND cấp tỉnh theo dõi cụ thể việc thẩm định cấp kinh phí, chi trả tiền bồi thường và xem xét trách nhiệm hoàn trả trong hoạt động quản lý hành chính thuộc phạm vi quản lý của UBND cấp tỉnh;

d) Phòng Tư pháp tham mưu, giúp UBND cấp huyện theo dõi cụ thể việc chi trả tiền bồi thường và xem xét trách nhiệm hoàn trả trong hoạt động quản lý hành chính thuộc phạm vi quản lý của UBND cấp huyện.

2. Nội dung theo dõi

a) Việc thẩm định cấp kinh phí, chi trả tiền bồi thường và xem xét trách nhiệm hoàn trả;

b) Trách nhiệm thực hiện báo cáo theo quy định của pháp luật về trách nhiệm bồi thường của Nhà nước.”.

3. Điều 19 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 19. Căn cứ thực hiện theo dõi hoạt động giải quyết bồi thường, thẩm định cấp kinh phí, chi trả tiền bồi thường và xem xét trách nhiệm hoàn trả

1. Báo cáo kết quả giải quyết bồi thường của cơ quan có trách nhiệm bồi thường.

2. Báo cáo công tác bồi thường.

3. Bản án, quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền liên quan đến trách nhiệm bồi thường của Nhà nước.

4. Khiếu nại, tố cáo của cá nhân, tổ chức.
5. Thông tin báo chí về công tác bồi thường.”.

4. Điều 20 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 20. Thực hiện đơn đốc hoạt động giải quyết bồi thường

1. Tổ chức pháp chế (đối với các Bộ), Cục Bồi thường nhà nước (đối với Bộ Tư pháp) tham mưu, giúp Bộ trưởng đơn đốc hoạt động giải quyết bồi thường trong hoạt động quản lý hành chính thuộc phạm vi quản lý của Bộ.

2. Trường hợp không có sự thống nhất giữa các cơ quan được tổ chức theo hệ thống ngành dọc thuộc Bộ thì tổ chức pháp chế thuộc cơ quan cấp trên trực tiếp tham mưu, giúp Thủ trưởng cơ quan đơn đốc hoạt động giải quyết bồi thường.

3. Sở Tư pháp tham mưu, giúp UBND cấp tỉnh đơn đốc hoạt động giải quyết bồi thường trong hoạt động quản lý hành chính thuộc phạm vi quản lý của UBND cấp tỉnh đối với các cơ quan sau:

- a) Cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh;
- b) UBND cấp huyện.

4. Phòng Tư pháp tham mưu, giúp UBND cấp huyện thực hiện đơn đốc hoạt động giải quyết bồi thường trong hoạt động quản lý hành chính thuộc phạm vi quản lý của UBND cấp huyện.

5. Trường hợp các cơ quan có trách nhiệm không thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này hoặc đã thực hiện nhưng cơ quan được đơn đốc chưa chấp hành, Bộ Tư pháp có trách nhiệm:

- a) Đơn đốc các Bộ và UBND cấp tỉnh thực hiện việc giải quyết bồi thường;
- b) Đề nghị UBND cấp tỉnh chỉ đạo các cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh, UBND cấp huyện và UBND xã, phường, thị trấn thực hiện việc giải quyết bồi thường.

Cục Bồi thường nhà nước tham mưu, giúp Bộ Tư pháp thực hiện nhiệm vụ quy định tại khoản này.”.

5. Bổ sung Điều 20a vào sau Điều 20 như sau:

“Điều 20a. Thực hiện đơn đốc việc thẩm định cấp kinh phí, chi trả tiền bồi thường và xem xét trách nhiệm hoàn trả

1. Cục Bồi thường nhà nước tham mưu, giúp Bộ trưởng Bộ Tư pháp đơn đốc việc thẩm định cấp kinh phí, chi trả tiền bồi thường và xem xét trách nhiệm hoàn trả trong hoạt động quản lý hành chính trên phạm vi cả nước.

2. Tổ chức pháp chế (đối với các Bộ), Cục Bồi thường nhà nước (đối với Bộ Tư pháp) tham mưu, giúp Bộ trưởng đơn đốc việc thẩm định cấp kinh phí, chi trả tiền bồi thường và xem xét trách nhiệm hoàn trả trong hoạt động quản lý hành chính thuộc phạm vi quản lý của Bộ.

3. Sở Tư pháp tham mưu, giúp UBND cấp tỉnh đơn đốc việc thẩm định cấp kinh phí, chi trả tiền bồi thường và xem xét trách nhiệm hoàn trả trong hoạt động quản lý hành chính thuộc phạm vi quản lý của UBND cấp tỉnh.

4. Phòng Tư pháp tham mưu, giúp UBND cấp huyện đơn đốc việc chi trả tiền bồi thường và xem xét trách nhiệm hoàn trả trong hoạt động quản lý hành chính thuộc phạm vi quản lý của UBND cấp huyện.”.

6. Điều 21 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 21. Căn cứ đơn đốc hoạt động giải quyết bồi thường, thẩm định cấp kinh phí, chi trả tiền bồi thường và xem xét trách nhiệm hoàn trả

1. Quyết định giải quyết khiếu nại, kết luận nội dung tố cáo của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Kết quả hoạt động theo dõi, kiểm tra công tác bồi thường

3. Thông tin báo chí về công tác bồi thường.

4. Bản án, quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền liên quan đến trách nhiệm bồi thường của Nhà nước.”.

7. Điều 22 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 22. Thủ tục đơn đốc hoạt động giải quyết bồi thường

1. Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được thông tin, tài liệu là căn cứ đơn đốc quy định tại Điều 21 Thông tư này, cơ quan có thẩm quyền quy định tại Điều 20 Thông tư này ban hành văn bản đơn đốc cơ quan có trách nhiệm bồi thường.

2. Văn bản đơn đốc phải nêu rõ nội dung, thời hạn và trách nhiệm thực hiện của cơ quan được đơn đốc.

3. Văn bản đơn đốc được gửi đến cơ quan được đơn đốc, cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp của cơ quan được đơn đốc và cơ quan quản lý nhà nước về công tác bồi thường có liên quan.

4. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ khi thực hiện xong nội dung văn bản đơn đốc, cơ quan được đơn đốc báo cáo bằng văn bản đến cơ quan đã đơn đốc và cơ quan cấp trên trực tiếp về kết quả thực hiện.

5. Trường hợp cơ quan được đơn đốc gặp khó khăn, vướng mắc trong việc thực hiện nội dung văn bản đơn đốc, phải báo cáo, xin ý kiến hướng dẫn của cơ quan cấp trên hoặc cơ quan quản lý nhà nước về công tác bồi thường theo quy định tại Chương III Thông tư này.”.

8. Bổ sung Điều 22a vào sau Điều 22 như sau:

“Điều 22a. Thủ tục đơn đốc việc thẩm định cấp kinh phí, chi trả tiền bồi thường và xem xét trách nhiệm hoàn trả

1. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông tin, tài liệu là căn cứ đơn đốc quy định tại Điều 21 Thông tư này, cơ quan có thẩm quyền quy định tại Điều 20a Thông tư này có văn bản đơn đốc cơ quan có trách nhiệm trong việc thẩm định cấp kinh phí, chi trả tiền bồi thường và xem xét trách nhiệm hoàn trả.

2. Văn bản đơn đốc phải nêu rõ nội dung, thời hạn và trách nhiệm thực hiện của cơ quan được đơn đốc.

3. Văn bản đơn đốc được gửi đến cơ quan được đơn đốc, cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp của cơ quan được đơn đốc và cơ quan quản lý nhà nước về công tác bồi thường có liên quan.

4. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ khi thực hiện xong nội dung văn bản đơn đốc, cơ quan được đơn đốc báo cáo bằng văn bản đến cơ quan đã đơn đốc về kết quả thực hiện.”.

9. Bổ sung Điều 23a vào sau Điều 23 như sau:

“Điều 23a. Nguyên tắc kiểm tra công tác bồi thường

Việc kiểm tra công tác bồi thường trong hoạt động quản lý hành chính phải tuân thủ các nguyên tắc sau:

1. Chính xác, khách quan, công khai, dân chủ, kịp thời, không làm cản trở hoạt động bình thường của đối tượng kiểm tra.

2. Đúng nội dung, phạm vi, đối tượng và thời hạn theo Quyết định hoặc Kế hoạch kiểm tra; tuân thủ trình tự, thủ tục, thẩm quyền kiểm tra theo quy định tại Điều 23 và Điều 23b Thông tư này.”.

10. Bổ sung Điều 23b vào sau Điều 23a như sau:

“Điều 23b. Trình tự, thủ tục kiểm tra

1. Ra Quyết định hoặc ban hành Kế hoạch kiểm tra.

2. Công bố Quyết định hoặc Kế hoạch kiểm tra.

3. Trưởng đoàn kiểm tra đề nghị đối tượng kiểm tra báo cáo về nội dung kiểm tra; cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến nội dung kiểm tra.

4. Đối tượng kiểm tra có trách nhiệm giải trình làm rõ những vấn đề Đoàn kiểm tra yêu cầu (nếu có).

5. Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Trưởng đoàn kiểm tra ban hành báo cáo kết quả kiểm tra trình cơ quan đã ra Quyết định hoặc ban hành Kế hoạch kiểm tra.

6. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày báo cáo kết quả kiểm tra được phê duyệt, cơ quan đã ra Quyết định hoặc ban hành Kế hoạch kiểm tra phải ban hành Kết luận kiểm tra.